TAND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/DS-ST
Ngày 31/8/2023
V/v: "tranh chấp về yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quốc Đạt, ông Trần Thành Đô

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc "tranh chấp về yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Đảm, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Riễu, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Đảm:* ông Nguyễn Hoài Nam, Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Bamboo Star, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: số 08, ngách 68, ngõ 59 Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (có mặt)

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn Tỵ, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*** Cụ Hoàng Thị Dần, sinh năm 1937 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị Đang, sinh năm 1979 (vắng mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đang:* ông Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Nam Tiến 1, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bà Nguyễn Thị Thân, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: khu Thống Nhất, thôn Đông Lễ, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

3. UBND xã Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang (vắng mặt)

4. UBND huyện Lạng Giang, Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đảm trình bày: Bố bà là cụ Nguyễn Văn Mậu, sinh năm 1934 đã chết ngày 09/01/2019 theo trích lục khai tử số 406/TLKT-BS ngày 19/8/2021 của UBND xã Xương Lâm.

Sinh thời, cụ Mậu kết hôn với cụ Hoàng Thị Dần là mẹ đẻ của bà và sinh được 04 người con gồm: bà Nguyễn Thị Thân, ông Nguyễn Văn Tỵ, bà Nguyễn Thị Đang và bà Nguyễn Thị Đảm. Ngoài ra cụ Mậu không có ai là con nuôi, con riêng, người mà cụ Mậu phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng; cha mẹ cụ Mậu đã chết từ lâu, trước khi cụ Mậu chết.

Quá trình chung sống cụ Mậu và cụ Dần tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 1598,1 m2 tại thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 178968, số vào sổ cấp GCN: CH01313 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 28/12/2012.

Khi chết cụ Mậu không để lại di chúc định đoạt di sản trong khối tài sản chung với cụ Dần nêu trên và hiện nay chưa tiến hành phân chia di sản thừa kế của cụ Mậu.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Mậu là ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 1598,1 m2 tại thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 178968, số vào sổ cấp GCN: CH01313 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 28/12/2012. Đề nghị Tòa án chia thừa kế cho bà được nhận bằng hiện vật.

Ngoài ra bà không yêu cầu phân chia di sản thừa kế nào khác. Các tài sản, cây cối lâm lộc trên đất bà không yêu cầu chia. Trường hợp nếu ai được phân chia phần diện tích đất có các tài sản đó thì người đó được hưởng.

Đối với yêu cầu độc lập của mẹ bà là Hoàng Thị Dần thì bà đồng ý. Đồng ý với ý kiến của cụ Dần về việc tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của cụ Dần và phần tài sản được phân chia trong khối tài sản chung với cụ Mậu cho ông Nguyễn Văn Tỵ, bà Nguyễn Thị Đang, bà Nguyễn Thị Đảm mỗi người một phần bằng nhau. Đề nghị Tòa án gộp chung kỷ phần thừa kế mà bà được nhận từ cụ Mậu và phần tài sản được tặng cho từ cụ Dần thành một khối tài sản để bà quản lý, sử dụng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/02/2023 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là ông Nguyễn Văn Tỵ trình bày: Bố ông là Nguyễn Văn Mậu chết ngày 04/12/2018 (âm lịch) tức ngày 10/01/2019 (dương lịch); mẹ ông là Hoàng Thị Dần, sinh năm 1937. Bố mẹ ông sinh được 04 người con gồm: ông Nguyễn Văn Tỵ, bà Nguyễn Thị Thân, bà Nguyễn Thị Đảm và bà Nguyễn Thị Đang. Trong thời gian chung sống cùng nhau bố mẹ ông có tạo lập được khối tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 1598,1 m2 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 178968, số

vào sổ cấp GCN: CH01313 ngày 28/12/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Mậu, bà Hoàng Thị Dần. Trên đất có một số tài sản khác nhưng không có giá trị. Bố mẹ ông là người quản lý, sử dụng diện tích đất trên từ trước cho đến nay, không có ai ở cùng. Các anh chị em đều xây dựng gia đình và đi ở riêng chỗ khác. Ông xác định toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất là thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của bố mẹ ông. Các anh chị em ông không có quyền gì đối với tài sản trên.

Khi chết thì bố ông không để lại di chúc; tài sản chung của bố mẹ ông là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên thì chưa được phân chia. Hàng thừa kế của bố ông gồm có mẹ ông là Hoàng Thị Dần và 04 người con trên. Ngoài ra không còn ai khác.

Nay bà Đảm khởi kiện yêu cầu phân chia di sản của bố ông gồm: ½ diện tích đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 1598,1 m2 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang thì ông đồng ý. Đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của bố ông làm 05 kỷ phần thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bố ông gồm: cụ Hoàng Thị Dần và 04 anh chị em như trên. Đề nghị Tòa án chia thừa kế cho ông bằng hiện vật.

Ngoài ra trên đất còn có một số tài sản khác nhưng không có giá trị nên ông không yêu cầu Tòa án phần chia. Các khoản mai táng phí khi bố ông chết đều đã được xử lý xong nên không yêu cầu gì. Bố ông không có nghĩa vụ về tài sản đối với ai.

Đối với yêu cầu độc lập của cụ Hoàng Thị Dần thì ông đồng ý. Ông đồng ý nhận toàn bộ phần tài sản của cụ Dần trong khối tài sản chung và kỷ phần cụ Dần được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Mậu; đồng ý nhận kỷ phần của bà Thân được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Mậu. Đề nghị Tòa án gộp chung toàn bộ phần tài sản của cụ Dần; phần di sản của cụ Dần, bà Thân được hưởng của cụ Mậu vào phần tài sản của ông được hưởng thành một khuôn viên.

Tại đơn yêu cầu độc lập và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là cụ Hoàng Thị Dần trình bày: Cụ kết hôn với cụ Nguyễn Văn Mậu vào khoảng trước năm 1958. Sau khi kết hôn cụ về chung sống cùng cụ Mậu ngay.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có tạo lập tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 1598,1 m2 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 178968, số vào sổ cấp GCN: CH01313 ngày 28/12/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Mậu, bà Hoàng Thị Dần. Tài sản trên đất hiện nay gồm có 01 nhà ở cấp 4; cây cối lâm lộc trên đất và một số công trình khác nhưng đã đổ nát, không có giá trị. Ngoài ra vợ chồng cụ không còn tài sản chung nào khác.

Nguồn gốc diện tích đất trên là do bố mẹ đẻ cụ Mậu để lại cho vợ chồng cụ ở, quản lý, sử dụng từ khi kết hôn cho đến nay. Cụ xác định diện tích đất trên và các tài sản trên đất là tài sản chung, thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của vợ chồng cụ. Các con của cụ và cụ Mậu đều xây dựng gia đình, đi ở riêng chỗ khác và không có quyền gì đối với tài sản trên.

Về thời gian chết; quan hệ huyết thống; hàng thừa kế thứ nhất; phần di sản của

cụ Mậu để lại trước khi chết cũng như tài sản chung của vợ chồng cụ như lời trình bày của bà Đảm, ông Tỵ là đúng. Khi chết thì cụ Mậu không để lại di chúc; tài sản chung của cụ và cụ Mậu là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên thì chưa được phân chia.

Cụ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 1598,1 m2 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 178968, số vào sổ cấp GCN: CH01313 ngày 28/12/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Mậu, bà Hoàng Thị Dần.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đảm về việc chia di sản của cụ Mậu gồm: ½ diện tích đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 1598,1 m2 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang thì cụ đồng ý. Đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Mậu làm 05 kỷ phần thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mậu gồm: cụ Hoàng Thị Dần và 04 người con như trên. Đề nghị Tòa án chia thừa kế cho cụ bằng hiện vật là phần diện tích đất có nhà ở.

Toàn bộ kỷ phần thừa kế của cụ và phần tài sản được phân chia trong khối tài sản chung với cụ Mậu thì cụ tặng cho và đề nghị chia đều cho 03 người con gồm: ông Nguyễn Văn Tỵ, bà Nguyễn Thị Đang và bà Nguyễn Thị Đảm. Đề nghị giao cho ông Tỵ phần diện tích đất có căn nhà cấp 4 để ông Tỵ làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Đối với các tài sản trên đất không có giá trị nên không yêu cầu phân chia; ai được phân chia quyền sử dụng đất thì được hưởng tài sản trên đất kèm theo.

Các khoản mai táng phí khi cụ Mậu chết đều đã được xử lý xong nên không yêu cầu gì. Cụ và cụ Mậu không có nghĩa vụ về tài sản đối với ai.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đang do ông Nguyễn Văn Thắng đại diện theo ủy quyền trình bày: bà đồng ý với toàn bộ phần trình bày của bà Nguyễn Thị Đảm về thời gian chết, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế thứ nhất; phần tài sản chung của cụ Dần, cụ Mậu và phần di sản của cụ Mậu để lại trước khi chết. Đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đảm; yêu cầu độc lập của cụ Hoàng Thị Dần. Đồng ý nhận phần tài sản do cụ Dần tặng cho. Đề nghị Tòa án phân chia thừa kế cho bà được nhận bằng hiện vật và đề nghị gộp chung toàn bộ phần tài sản được tặng cho, được hưởng thừa kế vào phần tài sản của bà Đang thành một phần tài sản riêng.

Tại biên bản ghi lời khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thân trình bày: bà xác nhận phần trình bày của các đồng thừa kế về thời gian chết, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế thứ nhất; phần tài sản chung của cụ Dần, cụ Mậu và phần di sản của cụ Mậu để lại trước khi chết là đúng. Bà xác định toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 1598,1 m2 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang là tài sản chung của bố mẹ bà là cụ Hoàng Thị Dần, cụ Nguyễn Văn Mậu. Bà đồng ý phân chia tài sản chung theo đơn yêu cầu độc lập của cụ Dần; đồng ý phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Mậu là ½ diện tích đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích

1598,1 m2 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang cho hàng thừa kế thứ nhất gồm có cụ Dần và 04 người con. Đề nghị được phân chia bằng hiện vật và đề nghị giao toàn bộ phần di sản mà bà được hưởng cho ông Nguyễn Văn Tỵ sở hữu, quản lý, sử dụng. Trên đất có một số tài sản nhưng không có giá trị nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất đề nghị phân chia tài sản chung theo yêu cầu độc lập của cụ Dần; đồng ý phân chia di sản thừa kế của cụ Mậu theo pháp luật. Nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về phương thức phân chia tài sản chung, chia thừa kế và chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đảm giữ nguyên yêu cầu về việc yêu cầu chia thừa kế của cụ Mậu theo pháp luật; đồng ý yêu cầu chia tài sản chung theo khởi kiện của cụ Dần.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Tỵ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thân; bà Nguyễn Thị Đang do ông Nguyễn Văn Thắng đại diện theo ủy quyền đều đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của cụ Mậu theo pháp luật; đồng ý yêu cầu chia tài sản chung theo khởi kiện của cụ Dần.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đảm đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đảm và yêu cầu chia tài sản chung của cụ Dần. Đề nghị HĐXX phân chia theo hướng giao cho ông Tỵ được hưởng phần di sản của cụ Mậu; phần tài sản của cụ Dần tặng cho đối với diện tích đất có nhà ở để sau này ông Tỵ làm nơi thờ cúng tổ tiên; giao cho bà Đảm và bà Đang phần diện tích đất cạnh nhau nằm ở phía Nam thửa đất để thuận tiện cho việc sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là cụ Hoàng Thị Dần vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ Hoàng Thị Dần về việc chia tài sản chung. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đảm về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Cụ Hoàng Thị Dần được sở hữu, quản lý, sử dụng phần diện tích đất 780 m2 (trong đó: 180 m2 đất ở, 600 m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang, trị giá 1.320.000.000đ.

- Phần tài sản của cụ Nguyễn Văn Mậu trong khối tài sản chung với cụ Dần là diện tích đất 818,1 m2 (trong đó: 180 m2 đất ở, 638,1 m2 đất trồng cây lâu năm) tại

thửa số 155, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang, trị giá 1.358.100.000đ.

Các đồng thừa kế gồm: cụ Hoàng Thị Dần, bà Nguyễn Thị Thân, ông Nguyễn Văn Tỵ, bà Nguyễn Thị Đảm, bà Nguyễn Thị Đang mỗi người được chia kỷ phần bằng đất có giá trị 271.620.000 đồng.

- Giao cho ông Nguyễn Văn Tỵ phần diện tích đất (bao gồm cả kỷ phần thừa kế của bà Thân và một phần tài sản chung, kỷ phần thừa kế của cụ Dần) có tổng giá trị là 1.073.780.000đ.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Đảm phần diện tích đất (bao gồm cả một phần tài sản chung, kỷ phần thừa kế của cụ Dần) có tổng giá trị là 802.160.000đ.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Đang phần diện tích đất (bao gồm cả một phần tài sản chung, kỷ phần thừa kế của cụ Dần) có tổng giá trị là 802.160.000đ.

2. Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Đảm, ông Tỵ, bà Đang mỗi người chịu 5.000.000đ tiền chi phí.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đảm và bà Nguyễn Thị Đang mỗi người chịu 36.064.000đ án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Văn Tỵ chịu 44.213.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa cụ Dần vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; UBND huyện Lạng Giang, UBND xã Xương Lâm vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, HĐXX xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp về chia tài sản chung và chia thừa kế".

[3]. Về thời hiệu khởi kiện, xác định thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Văn Mậu chết ngày 09/01/2019. Thời điểm mở thừa kế tài sản của cụ Mậu được tính từ ngày chết. Ngày 21/11/2022, bà Nguyễn Thị Đảm có đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế; căn cứ quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015, xác định thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[4]. Về người được hưởng thừa kế theo pháp luật: Cụ Nguyễn Văn Mậu kết hôn với cụ Hoàng Thị Dần và sinh được 04 người con gồm bà Nguyễn Thị Thân, ông Nguyễn Văn Tỵ, bà Nguyễn Thị Đảm, bà Nguyễn Thị Đang. Ngoài những người con trên, không còn người con nào khác và không ai thuộc trường hợp "Người không được quyền hưởng di sản"; không ai từ chối nhận di sản theo quy định tại Điều 620, Điều 621 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mậu

gồm 05 người là cụ Dần, bà Thân, ông Tỵ, bà Đảm, bà Đang và những người này đều có quyền thừa kế di sản của cụ Mậu để lại.

[5].Về nội dung tranh chấp:

1. Xét yêu cầu độc lập về chia tài sản chung của cụ Hoàng Thị Dần:

1.1. Xác định tài sản chung của cụ Mậu, cụ Dần: Trong đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Đảm; đơn yêu cầu độc lập của cụ Hoàng Thị Dần và lời khai của cụ Dần, bà Thân, ông Tỵ, bà Đảm, bà Đang đều xác định: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 1598,1 m2 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 178968, số vào sổ cấp GCN: CH01313 ngày 28/12/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Mậu, bà Hoàng Thị Dần là tài sản chung tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của cụ Mậu, cụ Dần. Vì vậy, xác định quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 1598,1 m2 (trong đó: 360 m2 đất ở, 1238,1 m2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang là tài sản chung của cụ Mậu, cụ Dần theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.2. Phân chia tài sản chung của cụ Mậu, cụ Dần:

Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: cụ Dần và các đồng thừa kế khác đều xác định diện tích đất trên có nguồn gốc do bố mẹ cụ Mậu để lại và được vợ chồng cụ Mậu, cụ Dần quản lý, sử dụng từ khi kết hôn cho đến nay. Vì vậy, căn cứ vào nguồn gốc, quá trình tạo lập, duy trì, phát triển thửa đất thì cụ Mậu có công sức nhiều hơn trong việc tạo lập thửa đất nên được chia phần diện tích đất nhiều hơn cụ Dần. Do cụ Dần yêu cầu phần chia tài sản chung, đồng thời đề nghị tặng cho toàn bộ phần tài sản được phân chia cho 03 con là ông Nguyễn Văn Tỵ, bà Nguyễn Thị Đảm, bà Nguyễn Thị Đang mỗi người một phần bằng nhau. Vì vậy, HĐXX chỉ phân chia tài sản chung bằng cách xác định phần tài sản của cụ Dần, cụ Mậu trong khối tài sản chung, cụ thể :

- Cụ Hoàng Thị Dần được sở hữu, quản lý, sử dụng phần diện tích đất 780 m2 (trong đó: 180 m2 đất ở, 600 m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang;

- Phần tài sản của cụ Nguyễn Văn Mậu trong khối tài sản chung với cụ Dần là diện tích đất 818,1 m2 (trong đó: 180 m2 đất ở, 638,1 m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang;

2. Xét yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Mậu theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Đảm:

2.1. Về di sản thừa kế và kỷ phần thừa kế của cụ Mậu: Từ những phân tích tại *"phần 1 mục [5]"* nêu trên thì di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Mậu được xác định trong khối tài sản chung với cụ Hoàng Thị Dần gồm: diện tích đất 818,1 m2 (trong đó: 180 m2 đất ở, 638,1 m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định trước khi cụ Mậu chết thì không để lại di chúc; hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mậu gồm có 05 người là cụ Hoàng Thị Dần, bà Nguyễn Thị Thân, ông Nguyễn Văn Tỵ, bà Nguyễn Thị Đảm, bà Nguyễn Thị Đang. Bà Nguyễn Thị Đảm cùng các đồng thừa kế khác có yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Mậu để lại cho các đồng thừa kế nêu trên là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Như vậy, một kỷ phần thừa kế được xác định là 36 m2 đất ở x 4.000.000đ/ m2 = 144.000.000đ và 127,62 m2 đất trồng cây lâu năm x 1.000.000đ/ m2 = 127.620.000đ, tổng cộng là 271.620.000đ.

2.2. Phân chia tài sản chung và di sản thừa kế:

Diện tích đất cụ Dần được phân chia trong khối tài sản chung là 780 m2 (trong đó: 180 m2 đất ở, 600 m2 đất trồng cây lâu năm); kỷ phần thừa kế được nhận từ cụ Mậu là 163,62 m2 (trong đó: 36 m2 đất ở, 127,62 m2 đất trồng cây lâu năm), tổng cộng là 943,62 m2 (trong đó: 216 m2 đất ở, 727,62 m2 đất trồng cây lâu năm).

Cụ Dần đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật; đồng thời gộp chung với tài sản được phân chia trong khối tài sản chung với cụ Mậu rồi chia đều cho 03 con là Nguyễn Văn Tỵ, Nguyễn Thị Đảm, Nguyễn Thị Đang. Bà Nguyễn Thị Thân đồng ý nhận di sản thừa kế theo pháp luật và đề nghị giao toàn bộ phần thừa kế mà mình được hưởng cho ông Nguyễn Văn Tỵ sở hữu, quản lý, sử dụng để sau này làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Như vậy, ông Nguyễn Văn Tỵ được hưởng thừa kế từ di sản của cụ Mậu là 163,62 m2 (trong đó: 36 m2 đất ở, 127,62 m2 đất trồng cây lâu năm); được nhận kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Thân là 163,62 m2 (trong đó: 36 m2 đất ở, 127,62 m2 đất trồng cây lâu năm); được nhận từ cụ Hoàng Thị Dần là 314,54 m2 (trong đó: 72 m2 đất ở, 242,54 m2 đất trồng cây lâu năm); tổng cộng là 641,78 m2 (trong đó: 144 m2 đất ở; 497,78 m2 đất trồng cây lâu năm);

Bà Nguyễn Thị Đảm được hưởng thừa kế từ di sản của cụ Mậu là 163,62 m2 (trong đó: 36 m2 đất ở, 127,62 m2 đất trồng cây lâu năm); được nhận từ cụ Hoàng Thị Dần là 314,54 m2 (trong đó: 72 m2 đất ở, 242,54 m2 đất trồng cây lâu năm); tổng cộng là 478,16 m2 (trong đó: 108 m2 đất ở, 370,16 m2 đất trồng cây lâu năm);

Bà Nguyễn Thị Đang được hưởng thừa kế từ di sản của cụ Mậu là 163,62 m2 (trong đó: 36 m2 đất ở, 127,62 m2 đất trồng cây lâu năm); được nhận từ cụ Hoàng Thị Dần là 314,54 m2 (trong đó: 72 m2 đất ở, 242,54 m2 đất trồng cây lâu năm); tổng cộng là 478,16 m2 (trong đó: 108 m2 đất ở, 370,16 m2 đất trồng cây lâu năm).

[6]. Đối với các tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 loại 2, diện tích 25,6 m2; 01 mái prôximăng; bể nước; móng nhà cũ; sân gạch và các cây cối, lâm lộc trên đất. Các đồng thừa kế đều thống nhất là ai được phân chia phần diện tích đất có các tài sản đó thì người đó được hưởng và không yêu cầu phân chia. Vì vậy, HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản là 5.000.000 đồng và chi phí đo vẽ, chồng ghép bản đồ thửa đất là 10.000.000 đồng. Đây là chi phí hợp lý, các thừa kế được nhận tài sản cùng phải chịu mức bằng nhau theo quy định.

[8]. Về án phí: Cụ Dần, bà Thân là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Tỵ, bà Đảm, bà Đang phải chịu án phí trên giá trị tài sản thực tế được hưởng thừa kế và được nhận tài sản từ các đồng thừa kế khác.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 165, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 468, 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 29, 33, 34 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ Hoàng Thị Dần về việc chia tài sản chung.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đảm về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Xác định tài sản của cụ Hoàng Thị Dần trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Văn Mậu gồm: diện tích đất 780 m2 (trong đó: 180 m2 đất ở, 600 m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang;

- Phần tài sản của cụ Nguyễn Văn Mậu trong khối tài sản chung với cụ Dần là diện tích đất 818,1 m2 (trong đó: 180 m2 đất ở, 638,1 m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Mậu, được chia cho các thừa kế theo pháp luật.

Các đồng thừa kế gồm: cụ Hoàng Thị Dần, bà Nguyễn Thị Thân, ông Nguyễn Văn Tỵ, bà Nguyễn Thị Đảm, bà Nguyễn Thị Đang mỗi người được chia kỷ phần bằng đất là 36 m2 đất ở; 127,62 m2 đất trồng cây lâu năm có giá trị 271.620.000 đồng.

3. Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế:

- Giao cho ông Nguyễn Văn Tỵ (bao gồm cả kỷ phần thừa kế của bà Thân và một phần tài sản chung, kỷ phần thừa kế của cụ Dần tặng cho) diện tích đất 641,78 m2 (trong đó: 144 m2 đất ở; 497,78 m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang; có trị giá là 1.073.780.000 đồng. Phần đất giao cho ông Tỵ được ký hiệu S1 (có sơ đồ kèm theo bản án) có tứ cận: phía Bắc giáp đất nhà ông Hoàng Văn Mạnh và ông Đào Văn Hạ; phía Nam giáp phần diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị Đảm; phía Đông giáp đường liên thôn; phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Cẩn.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Đảm (bao gồm cả một phần tài sản chung, kỷ phần thừa kế của cụ Dần tặng cho) diện tích đất 478,16 m2 (trong đó: 108 m2 đất ở, 370,16 m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang; có trị giá là 802.160.000 đồng. Phần đất giao cho bà Đảm được ký hiệu S2 (có sơ đồ kèm theo bản án), có tứ cận: phía Bắc giáp phần diện tích đất giao cho ông Nguyễn Văn Tỵ; phía Nam giáp diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị Đang; phía Đông giáp đường liên thôn; phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Cẩn.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Đang (bao gồm cả một phần tài sản chung, kỷ phần thừa kế của cụ Dần tặng cho) diện tích đất diện tích đất 478,16 m2 (trong đó: 108 m2 đất ở, 370,16 m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 155, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nam Lễ, Xương Lâm, Lạng Giang, Bắc Giang; có trị giá là 802.160.000 đồng. Phần đất giao cho bà Đang được ký hiệu S3 (có sơ đồ kèm theo bản án), có tứ cận: phía Bắc giáp phần diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị Đảm; phía Nam giáp đất ao do UBND xã Xương Lâm quản lý; phía Đông giáp đường liên thôn; phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Cẩn.

Các tài sản, cây cối, lâm lộc khác trên phần diện tích đất mà ông Tỵ, bà Đảm, bà Đang được giao. Các đồng thừa kế đều không yêu cầu và thống nhất là ai được phân chia phần diện tích đất có các tài sản đó thì người đó được hưởng nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Phần di sản thừa kế được chia, giao có sơ đồ kèm theo là một bộ phận không tách rời bản án. Các đương sự được phân chia, giao đất theo bản án có quyền, nghĩa vụ làm thủ tục, đăng ký kê khai để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Về chi phí định giá, thẩm định tài sản: Ông Tỵ, bà Đảm, bà Đang mỗi người phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí định giá, thẩm định tài sản. Ông Tỵ, bà Đang mỗi người phải hoàn trả số tiền 5.000.000đ chi phí định giá, thẩm định tài sản cho bà Nguyễn Thị Đảm.

5. Về án phí: Cụ Hoàng Thị Dần, bà Nguyễn Thị Thân được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Tỵ phải chịu số tiền 44.213.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đang phải chịu số tiền 36.064.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đảm phải chịu số tiền 36.064.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Đảm được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000906 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Bà Đảm phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 33.564.000đ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang